

Bản án số: 28/2019/DS-PT

Ngày 13 - 6 - 2019

Vụ tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Chiến

Các Thẩm phán:

Ông Ngô Đức Thọ

Bà Phạm Thị Thông.

Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Vân Anh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Hữu Cần – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 31/2019/TLPT-DS ngày 08 tháng 4 năm 2019 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 05/2019/DS-ST ngày 22 tháng 02 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 39/2019/QĐ-PT ngày 15 tháng 5 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 42/2019/QĐ-PT ngày 31 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Mỹ L – có mặt.

Địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

- *Bị đơn:* Ông Phạm Công T – có mặt.

Bà Nguyễn Thị H – vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Trần Thị Thu H – có mặt.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Phạm Công T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị Mỹ L trình bày:

Ngày 15 tháng 3 năm 2017 âm lịch (tức ngày 11 tháng 4 năm 2017 dương lịch), ông Phạm Công T và bà Nguyễn Thị H có vay của bà L số tiền là 200.000.000 đồng để làm nhà. Khi vay ông T viết giấy mượn tiền, bà H và ông T cùng ký vào giấy vay. Trong giấy vay tiền không thỏa thuận lãi suất và thời hạn thanh toán. Tuy nhiên, ông T, bà H có thỏa thuận bằng miệng đến mùa cà phê 2017 sẽ thanh toán số nợ vay. Khi đến hạn, bà đã nhiều lần yêu cầu nhưng ông T, bà H không trả nợ. Vì vậy, bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông T và bà H phải thanh toán cho bà số tiền nợ gốc 200.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

Bị đơn ông Phạm Công T trình bày:

Ông thừa nhận ông và bà H có vay của bà L số tiền 200.000.000 đồng vào ngày 15 tháng 3 năm 2017 âm lịch. Ông T viết giấy vay tiền, ông và bà H cùng ký tên vào giấy vay. Bà H và bà L thỏa thuận lãi suất bằng miệng là 50.000 đồng/triệu/tháng tức 10.000.000 đồng/tháng, thời hạn trả lãi sau 01 tháng kể từ thời điểm vay tiền (tháng 5 năm 2017), ông bà đã trả lãi cho bà L đến tháng 3 năm 2018, tổng cộng là 110.000.000 đồng. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà L, ông T đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận số tiền 110.000.000 đồng ông đã thanh toán cho bà L khấu trừ vào số nợ gốc 200.000.000 đồng, ông bà có nghĩa vụ thanh toán cho bà L số nợ gốc còn lại là 90.000.000 đồng. Do hoàn cảnh khó khăn, đề nghị bà L cho vợ chồng ông trả dần hằng năm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Thu H trình bày:

Ngày 19/3/2018 bà Nguyễn Thị H có chuyển vào tài khoản của bà Hiền số tiền 10.000.000 đồng. Đây là khoản tiền mà bà Nguyễn Thị H vay của bà Trần Thị Thu H, không liên quan gì đến việc vay tiền giữa ông T, bà H với bà L.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 05/2019/DS-ST ngày 22/02/2019, Tòa án nhân dân huyện Krông Nô quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Mỹ L.

Buộc ông Phạm Công T và bà Nguyễn Thị H phải thanh toán cho bà Trần Thị Mỹ L số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Án phí: Buộc ông Phạm Công T và bà Nguyễn Thị H phải nộp 10.000.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả bà Trần Thị Mỹ L số tiền 5.000.000 đồng mà bà L đã nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm tại Chi cục Thi hành án theo biên lai số 0003003 ngày 20/8/2018.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 04/3/2019, bị đơn ông Phạm Công T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn người kháng cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo của mình và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét việc bị đơn đã trả tiền lãi là 110.000.000 đồng để trừ vào số tiền vay. Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông T, bà H phải trả số tiền gốc 200.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến với các nội dung:

Đơn kháng cáo của ông Phạm Công T làm trong hạn luật định, đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm.

Việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Sau khi xem xét, phân tích các tài liệu, chứng cứ, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 05/2019/DS-ST ngày 22 tháng 02 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Xét yêu cầu kháng cáo của ông Phạm Công T. Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đối chiếu với các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ngày 15/3/2017 (âm lịch) tức ngày 11/4/2017 ông Phạm Công T và bà Nguyễn Thị H có vay của bà Trần Thị Mỹ L số tiền 200.000.000 đồng. Hai bên lập “Giấy mượn tiền” đề ngày 15-3 âm lịch (BL 02). Trong giấy vay không thể hiện lãi suất và thời hạn thanh toán. Mặc dù trong giấy vay tiền không ghi thời hạn trả nợ, tuy nhiên, các bên đương sự đều thừa nhận, bà L đã nhiều lần yêu cầu ông T, bà H thanh toán số nợ 200.000.000 đồng gốc ông T, bà H không trả, vì vậy, bà L khởi kiện tại Tòa án là phù hợp với quy định tại Điều 469 Bộ luật dân sự và Tòa án nhân dân huyện Krông Nô thụ lý vụ án là đúng theo quy định tại Điều 195 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Đối với yêu cầu kháng cáo của ông Phạm Công T cho rằng bà L cho vay với lãi suất là 50.000đ/1.000.000/tháng và sau khi vay vợ chồng ông đã trả tiền lãi từ tháng 5/2017 đến tháng 3/2018 10.000.000/ 1 tháng x 11 tháng = 110.000.000 đồng, trong đó 100.000.000 đồng vợ chồng ông trực tiếp đưa cho bà L, 10.000.000 đồng vợ ông là bà Nguyễn Thị H chuyển vào tài khoản của bà Trần Thị Thu H (em gái bà L). HĐXX xét thấy, theo giấy mượn tiền ngày 15-3 không ghi năm mà hai vợ chồng ông T, bà H viết, ký nhận không ghi lãi suất, quá trình giải quyết ở cấp sơ thẩm lúc đầu, ông T bà H không đề cập gì tới số tiền trả lãi nêu trên chỉ đến phiên tòa sơ thẩm ngày 25/12/2018 ông T mới nêu ra số tiền này, mặc dù Tòa án cấp sơ thẩm đã ngừng phiên tòa nhưng ông T vẫn

không cung cấp được chứng cứ để chứng minh. Trong khi đó, nguyên đơn bà Trần Thị Mỹ L không thừa nhận việc ông T, bà H trả lãi cho bà 100.000.000 đồng và 10.000.000 đồng thông qua tài khoản của bà Trần Thị Thu H em gái bà.

Về số tiền 10.000.000 đồng bà H chuyển vào tài khoản của bà Trần Thị Thu H em gái bà L theo giấy nộp tiền ngày 19/3/2018 cũng không thể hiện nội dung bà H trả lãi cho bà L. Nên lời trình bày của bà Trần Thị Thu H đây là số tiền bà Nguyễn Thị H vay và trả nợ cho bà Trần Thị Thu H, không liên quan đến khoản tiền bà H, ông Trước mượn của bà Trần Thị Mỹ L là có căn cứ.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông Phạm Công T không cung cấp được thêm tài liệu, chứng cứ gì mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình. Vì vậy, cấp sơ thẩm buộc ông T bà H phải trả cho nguyên đơn số tiền 200.000.000 đồng tiền gốc là có căn cứ đúng pháp luật.

Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tại phiên tòa là có căn cứ, cần chấp nhận.

Từ phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Công T. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 05/2019/DS-ST ngày 22/02/2019, Tòa án nhân dân huyện Krông Nô.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Phạm Công Trước phải chịu án phí phúc thẩm là 300.000 đồng khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

QUYẾT ĐỊNH

Không chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Công T.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 05/2019/DS-ST ngày 22/02/2019, Tòa án nhân dân huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông.

Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điều 35; khoản 1 Điều 38; Điều 147; Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Mỹ L.

Buộc ông Phạm Công T và bà Nguyễn Thị H phải thanh toán cho bà Trần Thị Mỹ L số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền hàng

tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Phạm Công T và bà Nguyễn Thị H phải nộp 10.000.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả bà Trần Thị Mỹ L số tiền 5.000.000 đồng mà bà L đã nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm tại Chi cục Thi hành án theo biên lai số 0003003 ngày 20/8/2018.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Phạm Công T phải chịu 300.000 đồng được khấu trừ tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0003178 ngày 04/3/2019 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện K, tỉnh Đắk Nông.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- TAND huyện Krông Nô;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, TDS.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký tên, đóng dấu)

Nguyễn Xuân Chiến